

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ- ST
Ngày 20-4-2021
V/v ly hôn và nuôi con chung
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Bích Thủy
- Ông Hoàng Văn Khiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn N Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 25-3-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07-4-2021 giữa;

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị S, sinh năm 1996

HKTT: Thôn 8, xã T, huyện L, Tỉnh Y- Có mặt

Nơi ở: Thôn K, xã K, huyện L, Tỉnh Y

Bị đơn: Anh Lý Văn T, sinh năm 1994- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện L, T Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản ghi lời khai ngày 24 tháng 02 năm 2021 nguyên đơn chị Triệu Thị S trình bày: Chị S và anh Lý Văn T kết hôn với nhau ngày 16-12-2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hòa thuận được hơn một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T đi làm ăn xa không chăm lo đến gia đình. Anh T còn ghen tuông vô cớ dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Chị S và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2020 không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị S xác định Tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị S và anh T có hai con chung tên là Lý Thị Mai H, sinh ngày 01-8-2013 và Lý Thị Thúy N, sinh ngày 03-12-2014. Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu H và cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lý Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị S được ly hôn anh T; giao hai cháu H và cháu N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Chị Triệu Thị S và anh Lý Văn T kết hôn với nhau ngày 16-12-2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận được hơn một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T đi làm ăn xa không chăm lo đến gia đình. Anh T còn ghen tuông vô cớ dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020. Chị S xác định Tình cảm không

còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về phía anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không lý do. Mặc dù anh T biết việc chị S xin ly hôn nhưng anh T không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 12-3-2021 tại thôn 8, xã T, huyện L, tỉnh Y nơi chị S và anh T cư trú, sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T đi làm ăn xa không chăm lo đến gia đình. Anh T còn ghen tuông vô cớ dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Chị S và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2020 không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị S và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị S được ly hôn anh T

{4} *Về con chung*: Chị S và anh T có hai con chung tên là Lý Thị Mai H, sinh ngày 01-8-2013 và Lý Thị Thúy N, sinh ngày 03-12-2014. Trong quá trình giải quyết vụ án chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu H và cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu này. Về phía anh T cũng biết việc chị S có yêu cầu được nuôi hai con chung, nhưng anh T không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu H có nguyện vọng được ở cùng chị S, cháu N còn nhỏ cần sự chăm sóc và nuôi dưỡng của người mẹ nên yêu cầu của chị S về việc được trực tiếp nuôi cháu H và cháu N là có căn cứ, phù hợp pháp luật, phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu H được chấp nhận. Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu H và cháu N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

{6} *Về án phí*: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Chị Triệu Thị S được ly hôn anh Lý Văn T

2- *Về con chung xử*: Giao hai con chung Lý Thị Mai H, sinh ngày 01-8-2013 và Lý Thị Thúy N, sinh ngày 03-12-2014 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lý Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí: Chị Lý Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị S đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0004831 ngày 22-02-2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo:

- Chị Triệu Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Lý Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA tỉnh Y;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh